

Số: 746 /QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp sinh hoạt phí cho lưu học sinh Lào

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/QĐ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí đào tạo học sinh Lào và Campuchia (diện Hiệp định) học tập tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3093/QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp nhận Lưu học sinh Lào diện Hiệp định năm học 2022 - 2023;

Căn cứ Quyết định số 3845/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp nhận Lưu học sinh Lào diện Hiệp định năm học 2022 - 2023;

Căn cứ Quyết định số 3700/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp nhận Lưu học sinh Lào và Campuchia diện Hiệp định năm học 2022 - 2023;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp sinh hoạt phí 01 tháng (tháng 4 năm 2023) cho 61 Lưu học sinh Lào học Tiếng Việt diện Hiệp định (Có danh sách kèm theo).

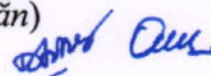
Điều 2. Mức sinh hoạt phí cấp cho 61 LHS Lào trong 01 tháng là:

Mức 2.900.000 đồng x 11 LHS x 1 tháng = 31.900.000 đồng.

Mức 2.460.000 đồng x 50 LHS x 1 tháng = 123.000.000 đồng.

154.900.000 đồng.

(Một trăm năm mươi tư triệu chín trăm nghìn đồng chẵn)



Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Phòng Công tác Sinh viên, Phòng KHCN&HTQT, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan và các Lưu học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Am*

- Như Điều 3 (dề t/h);
- Lưu: VT, CTSV (06).



HIỆU TRƯỞNG

mmk
PGS. TS Mai Xuân Trường

CV
RƯ
AI
UP
CTH

DANH SÁCH LƯU HỌC SINH LÀO NHẬN SHP THÁNG 4 NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 746 /QĐ-DHSP ngày 07/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Mức SHP/ 1 tháng
1	DTS LHSTV2022001	SAIKHAMMUAN SOUVANHSAY	Tiếng Việt	2.900.000
2	DTS LHSTV2022002	KEOVONGSA SOMEKEO	Tiếng Việt	2.900.000
3	DTS LHSTV2022003	VANSILALOM THIPPHAVIENG	Tiếng Việt	2.900.000
4	DTS LHSTV2022004	LACHANPHET PHONEXAY	Tiếng Việt	2.900.000
5	DTS LHSTV2022005	THONGKHAMMEUNG INGKHAM	Tiếng Việt	2.900.000
6	DTS LHSTV2022006	SIKHAMLA SOUKKITA	Tiếng Việt	2.900.000
7	DTS LHSTV2022007	VILAYPHONE VIENGSA MAI	Tiếng Việt	2.900.000
8	DTS LHSTV2022008	SIPASEUTH ITTHIPHON	Tiếng Việt	2.900.000
9	DTS LHSTV2022009	KEOVILAY SONEPHET	Tiếng Việt	2.900.000
10	DTS LHSTV2022010	MOUNTHADY SOUKAKHOM	Tiếng Việt	2.460.000
11	DTS LHSTV2022011	SAYKHAMMY VIPHAKONE	Tiếng Việt	2.460.000
12	DTS LHSTV2022012	VONGSA THANAVANH	Tiếng Việt	2.460.000
13	DTS LHSTV2022013	SACKDAVONG PHETPASA	Tiếng Việt	2.460.000
14	DTS LHSTV2022014	PHARANHOK DUANGPHATHIP	Tiếng Việt	2.460.000
15	DTS LHSTV2022015	XAIYACHACK PHONETHIDA	Tiếng Việt	2.460.000
16	DTS LHSTV2022016	HEUANGVILAY VATSANA	Tiếng Việt	2.460.000
17	DTS LHSTV2022017	SOUKVONGSAK SOMSOUDACHAN	Tiếng Việt	2.460.000
18	DTS LHSTV2022018	VIDAPHONE SANDY	Tiếng Việt	2.460.000
19	DTS LHSTV2022019	SIVILAY SENGMANY	Tiếng Việt	2.460.000
20	DTS LHSTV2022020	SILIPHONG HATSADY	Tiếng Việt	2.460.000
21	DTS LHSTV2022021	BANNAVONG SOUKSAVANH	Tiếng Việt	2.460.000
22	DTS LHSTV2022022	SOULISACK ALIKAR	Tiếng Việt	2.460.000
23	DTS LHSTV2022023	PHOSALATH ALING	Tiếng Việt	2.460.000
24	DTS LHSTV2022024	LOUANGLATH PHETSAMONE	Tiếng Việt	2.460.000
25	DTS LHSTV2022025	KHAMINNA ONSADONE	Tiếng Việt	2.460.000
26	DTS LHSTV2022026	BOUNLAILUT NET	Tiếng Việt	2.460.000
27	DTS LHSTV2022027	SONEVILAI LA	Tiếng Việt	2.460.000
28	DTS LHSTV2022028	ALOUN VERNKHAM	Tiếng Việt	2.460.000
29	DTS LHSTV2022029	DOUANGNGEUN VILAYKHAM	Tiếng Việt	2.460.000
30	DTS LHSTV2022030	VONGVISITH KETSANA	Tiếng Việt	2.460.000
31	DTS LHSTV2022031	BOUAYENGXONG SIPHONE	Tiếng Việt	2.460.000
32	DTS LHSTV2022032	BOUNVIHAN XAYHAR	Tiếng Việt	2.460.000
33	DTS LHSTV2022033	INTHAKOUMMAN PHANPHASONE	Tiếng Việt	2.460.000
34	DTS LHSTV2022034	HUANGSOMBAT KOYMAN	Tiếng Việt	2.460.000
35	DTS LHSTV2022035	CHAMPASY KHAMDY	Tiếng Việt	2.460.000
36	DTS LHSTV2022036	KEOBOUNHUANG PHOUVIENT	Tiếng Việt	2.460.000
37	DTS LHSTV2022037	VILAYPHONE KHAUNTHONG	Tiếng Việt	2.460.000
38	DTS LHSTV2022038	SOUVANDEE MEENA	Tiếng Việt	2.460.000
39	DTS LHSTV2022039	XIAMAI SENGDAOXIONG	Tiếng Việt	2.460.000
40	DTS LHSDBT2022046	NOMANISONE SONEKHAM	Tiếng Việt	2.900.000
41	DTS LHSDBT2022047	KHOMKITSAK KHAMPOUTHASAK	Tiếng Việt	2.460.000
42	DTS LHSDBT2022048	PHOUTTHAVONG XAYAVONG	Tiếng Việt	2.460.000
43	DTS LHSDBT2022049	MONGKHON SIHAVONG	Tiếng Việt	2.460.000

44	DTSLSDBTV2022050	KEOTHIDA SOUVANNAPHOUM	Tiếng Việt	2.460.000
45	DTSLSDBTV2022051	THIPPHACHAN VINLAYTHONG	Tiếng Việt	2.460.000
46	DTSLSDBTV2022052	NOUNY SOULIYASENG	Tiếng Việt	2.460.000
47	DTSLSDBTV2022053	VIENGSAVANH CHANLASAY	Tiếng Việt	2.460.000
48	DTSLSDBTV2022054	SAIMAY DINYAVONG	Tiếng Việt	2.460.000
49	DTSLSDBTV2022055	VIENGMANY CHANLASAY	Tiếng Việt	2.460.000
50	DTSLSDBTV2022056	NUENGTHIDA TANPHANITH	Tiếng Việt	2.460.000
51	DTSLSDBTV2022057	BOUNCHALEUN CHEUANGKEO	Tiếng Việt	2.460.000
52	DTSLSDBTV2022058	SANTISOUK CHANMANY	Tiếng Việt	2.460.000
53	DTSLSDBTV2022059	LATDA VONGSIKHAI	Tiếng Việt	2.460.000
54	DTSLSDBTV2022060	VISOUDA XOMXUEN	Tiếng Việt	2.460.000
55	DTSLSDBTV2022061	SISOUK INTHAVIXAY	Tiếng Việt	2.460.000
56	DTSLSDBTV2022062	BOUNTHANOM VATSANASONG	Tiếng Việt	2.460.000
57	DTSLSDBTV2022063	PHETDALY SONGKHAMCHANH	Tiếng Việt	2.460.000
58	DTSLSDBTV2022064	NOUFON LIBOUNYASAO	Tiếng Việt	2.460.000
59	DTSLSDBTV2022065	HATTHACHACK SOUPHONESY	Tiếng Việt	2.460.000
60	DTSLSDBTV2022066	KHAMTHASONE BOUNLATH	Tiếng Việt	2.460.000
61	DTSLSDBTV2022067	VILAPHONE SOUNDALA	Tiếng Việt	2.900.000
Tổng cộng				154.900.000

Ấn định danh sách có: 61 LHS.

[Handwritten signature]

